BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐH LUẬT HÀ NỘI

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II **NĂM HỌC :** 2014 - 2015

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi : **18/04/2015**

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)	(100)				
1	342262	Trần Thị Quỳnh Trang	3422	3	17	7	9	81	165	400	565	9.5
2	340612	Trần Trí Dũng	3406	5	12	10	11	48	175	200	375	
3	340442	Nguyễn Thị Ngọc Mai	3404	5	16	7	17	28	215	80	295	
4	342549	Nguyễn Bá Dũng	3425									
5	352366	Bùi Phương Trang	3523	8	24	14	21	46	360	190	550	9.5
6	350112	Hoàng Anh Tuấn	3501	2	18	26	17	47	330	195	525	9.0
7	351826	Lê Khánh Linh	3518	7	16	15	11	56	245	250	495	8.5
8	350165	Nguyễn Tiến Dũng	3501	9	9	7	13	61	175	280	455	8.0
9	350666	Nguyễn Huy Hoàng	3506	10	5	13	16	51	210	220	430	
10	350942	Lý Thị Liễu	3509	2	9	10	13	33	150	110	260	
11	361156	Hoàng Thị Thu Trang	3611	10	23	29	27	68	490	325	815	10.0
12	361737	Nguyễn Thị ánh	3617	10	20	30	19	69	430	330	760	10.0
13	360733	Vũ Thị Quỳnh Anh	3607	9	26	21	12	78	365	385	750	10.0
14	360563	Nguyễn Thiện Phúc	3605	10	13	30	30	52	460	225	685	10.0
15	361467	Phạm Thị Phấn	3614	10	22	13	25	65	380	305	685	10.0
16	360541	Hồ Thị ánh	3605	10	17	27	15	65	370	305	675	10.0
17	362340	Nguyễn Thị Ngân	3623	9	19	27	25	54	440	235	675	10.0
18	362147	Nguyễn Thị Ngọc	3621	9	24	15	22	62	380	285	665	10.0
19	362031	Nguyễn Thị Dung	3620	4	16	18	16	78	275	385	660	10.0
20	361256	Nguyễn Thị Quỳnh Oanh	3612	5	18	24	19	65	350	305	655	10.0
21	360515	Đoàn Thị Mến	3605	7	26	28	28	41	490	160	650	10.0
22	361935	Trần Ngọc Hà	3619	9	26	23	21	51	430	220	650	10.0
23	362250	Phạm Vũ Dũng	3622	5	19	16	16	74	290	360	650	10.0
24	361758	Vũ Trường Giang	3617	7	16	20	17	69	315	330	645	10.0
25	361040	Nguyễn Thị Thu Hà	3610	9	17	12	18	72	290	350	640	10.0
26	361069	Phạm Tú Oanh	3610	6	23	15	18	64	325	300	625	10.0
27	360131	Vũ Thị Hồng Hà	3601	5	18	30	30	41	460	160	620	10.0
28	362101	Lê Trọng Minh	3621	10	27	18	24	46	430	190	620	10.0
29	361036	Mai Nguyễn Đông	3610	5	15	18	13	72	255	350	605	10.0
30	361742	Đào Thị Thanh Xuân	3617	8	17	13	16	67	275	320	595	10.0
31	362028	Phạm Thu Thuỷ	3620	10	16	25	22	48	395	200	595	10.0
32	361054	Nguyễn Mỹ Linh	3610	9	17	10	15	68	255	325	580	10.0
33	361436	Trần Thị Tuyết Trinh	3614	9	20	15	16	58	315	260	575	10.0
34	361062	Trần Thị Thanh Thư	3610	9	27	20	19	42	405	165	570	9.5
35	360956	Nguyễn Thị Thuý	3609	9	25	18	20	43	390	170	560	9.5
36	361150	Hạp Thị Thu Thủy	3611	7	20	13	10	66	250	310	560	9.5
37	361448	Nguyễn Minh Trường	3614	7	26	20	19	43	390	170	560	9.5
38	360663	Nguyễn Thị Quỳnh Ngọc	3606	9	18	23	17	47	360	195	555	9.5
39	361723	Trần Thị Phương Thuý	3617	9	21	20	12	53	325	230	555	9.5
40	360437	Bùi Thị Vân Anh	3604	6	15	10	16	67	230	320	550	9.5
41	361307	Lục Đức Long	3613	7	18	17	17	55	310	240	550	9.5
42	361116	Bùi Đức Thành	3611	6	19	22	12	54	310	235	545	9.5
43	361465	Bùi Thị Kim Anh	3614	8	16	18	21	50	330	215	545	9.5
44	362156	Dương Khánh Linh	3621	10	19	19	12	53	315	230	545	9.5
45	361235	Đoàn Thị Lương	3612	8	14	15	8	68	215	325	540	9.5
46	361544	Đàm Thuý Thương	3615	6	18	13	13	63	250	290	540	9.5
47	360560	Trương Thị Mỹ Hòa	3605	7	8	7	8	80	130	395	525	9.0
48	361610	Nguyễn Thị Huế	3616	7	12	24	28	38	385	140	525	9.0

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐH LUẬT HÀ NỘI

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II **NĂM HỌC :** 2014 - 2015

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi : **18/04/2015**

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)	(100)				
49	361059	Nguyễn Thu Thuỷ	3610	9	14	16	12	59	255	265	520	9.0
50	360132	Đỗ Thị Thùy Linh	3601	6	15	10	15	63	220	290	510	9.0
51	360224	Khổng Thị Chanh	3602	9	15	16	11	57	255	255	510	9.0
52	360335	Nguyễn Thị Lý	3603	5	22	13	16	51	290	220	510	9.0
53	360658	Nguyễn Thị Tố Tâm	3606	8	8	23	18	50	295	215	510	9.0
54	361927	Phạm Bảo Yến	3619	9	19	18	13	48	310	200	510	9.0
55	360669	Chu Văn Tài	3606	7	15	14	13	57	245	255	500	8.5
56	360126	Hoàng Thị Thái	3601	5	16	12	15	57	240	255	495	8.5
57	360737	Trương Thị Quý	3607	8	20	11	29	36	365	125	490	8.5
58	360941	Nguyễn Thị Huyền Trang	3609	8	19	10	13	55	250	240	490	8.5
59	361146	Thân Thị Huyền Trang	3611	5	21	8	17	53	255	230	485	8.5
60	360133	Nguyễn Văn Tú	3601	9	15	12	11	56	230	250	480	8.5
61	360463	Trần Thị Thu Hiền	3604	7	15	14	15	52	255	225	480	8.5
62	360641	Trần Thị Vân Anh	3606	7	17	17	10	52	255	225	480	8.5
63	361039	Lương Khánh Ly	3610	8	12	15	13	54	240	235	475	8.5
64	361268	Nguyễn Thị Thuỳ Liên	3612	4	13	14	6	65	170	305	475	8.5
65	361630	Phạm Thị Thanh Huyền	3616	6	18	19	19	40	325	150	475	8.5
66	360828	Nguyễn Hữu Khánh	3608	10	15	13	9	55	230	240	470	8.0
67	361831	Nguyễn Thị Thuận	3618	4	13	15	15	55	230	240	470	8.0
68	362167	Đặng Quang Minh	3621	5	10	18	13	56	220	250	470	8.0
69	360340	Phan Thành Trung	3603	5	21	13	8	53	230	230	460	8.0
70	360748	Phạm Thị Diễm	3607	7	20	19	19	34	345	115	460	8.0
71	361063	Phan Thị Thu Hằng	3610	8	16	9	16	50	245	215	460	8.0
72	361801	Hoàng Thị Phượng	3618	7	14	19	17	42	295	165	460	8.0
73	362255	Lê Thị Thanh Tâm	3622	8	15	15	18	43	290	170	460	8.0
74	360869	Lê Văn Huy	3608	8	19	11	11	49	245	210	455	8.0
75	361409	Phạm Thị Hậu	3614	10	24	14	14	37	325	130	455	8.0
76	361567	Đỗ Nguyễn Diệu Linh	3615	7	18	16	10	48	255	200	455	8.0
77	360868	Vũ Ngọc Huy	3608	6	17	16	14	45	270	180	450	8.0
78	361139	Nguyễn Thị Hải Yến	3611	10	15	12	13	48	250	200	450	8.0
79	361437	Trần Thị Huyền	3614	7	19	12	10	49	240	210	450	8.0
80	361443	Bùi Văn Hiển	3614	3	12	14	16	54	215	235	450	8.0
81	360237	Nguyễn Thị Huyền Trang	3602	5	13	14	15	50	230	215	445	
82	360764	Lê Quang Sơn	3607	9	14	14	8	53	215	230	445	
83	360953	Phạm Hồng Nhung	3609	5	18	14	10	50	230	215	445	
84	362102	Ngân Thị Bùi	3621	6	14	28	12	37	315	130	445	
85	361042	Phạm Văn Thọ	3610	7	17	14	14	44	260	175	435	
86	361525	Trần Thị Huyền Trang	3615	7	21	9	15	44	260	175	435	
87	360455	Nguyễn Thị Thanh Huyền	3604	5	13	14	13	50	215	215	430	
88	362151	Nguyễn Phương Hiền	3621	8	20	8	9	50	215	215	430	
89	360512	Trịnh Nguyễn Huyền My	3605	10	9	27	6	42	260	165	425	
90	361648	Nguyễn Thị Huyền Trang	3616	7	23	11	13	40	275	150	425	
91	361747	Hà Hồng Cẩm	3617	7	20	14	16	37	295	130	425	
92	360766	Nguyễn Thanh Tùng	3607		15	15	14	49	210	210	420	
93	360803	Cầm Thuý Hà	3608	4	11	28	12	38	280	140	420	
94	360314	Hà Thị Hằng	3603	6	14	12	17	43	245	170	415	
95	362034	Nguyễn Thị Thu Hằng	3620	5	10	13	17	48	215	200	415	
96	360456	Bùi Mạnh Hà	3604	7	15	17	10	42	245	165	410	

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐH LUẬT HÀ NỘI

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II **NĂM HỌC :** 2014 - 2015

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi : **18/04/2015**

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)	(100)				
97	360709	Lê Phương Thảo	3607	5	13	13	16	45	230	180	410	
98	361442	Phạm Ngọc Hùng	3614	4	19	15	14	40	260	150	410	
99	361509	Nguyễn Thị Hiền	3615	5	11	30	20	25	350	60	410	
100	361514	Trần Thảo Nguyên	3615	7	21	12	17	34	295	115	410	
101	361632	Nguyễn Thị Thanh Hoài	3616	3	14	8	9	58	150	260	410	
102	360528	Thiều Thị Vân Anh	3605	3	13	9	13	53	175	230	405	
103	361225	Võ Thị Minh Trang	3612	5	17	14	13	41	245	160	405	
104	361653	Trần Khánh Ly	3616	7	16	13	11	43	230	170	400	
105	361943	Trần Thị Mai	3619	6	15	13	9	48	200	200	400	
106	361441	Nguyễn Thị Thuý An	3614	5	11	12	10	51	175	220	395	
107	360245	Nguyễn Thị Oanh	3602	4	16	12	15	41	230	160	390	
108	361067	Nguyễn Văn Quyết	3610	6	13	10	12	48	190	200	390	
109	361127	Dương Bá Đoàn	3611	4	12	11	16	46	200	190	390	
110	361325	Nguyễn Hoàng Đạt	3613	7	15	11	19	37	260	130	390	
111	361939	Mai Thị Ngọc	3619	5	12	10	13	48	185	200	385	
112	362243	Nguyễn Thị Vân	3622	6	17	9	14	42	220	165	385	
113	361734	Phạm Thị Dung	3617	6	11	16	10	45	200	180	380	
114	361244	Trịnh Văn Hải	3612	4	19	7	13	44	200	175	375	
115	361434	Nguyễn Quý Võ	3614	3	15	5	9	54	140	235	375	
116	361410	Nguyễn Thu Giang	3614	5	15	12	18	35	250	120	370	
117	361541	Phạm Sơn Lâm	3615	6	16	13	16	34	255	115	370	
118	362248	Tô Thị Xuân Quỳnh	3622	4	16	15	14	36	245	125	370	
119	361862	Phạm Việt Anh	3618	6	9	16	9	45	185	180	365	
120	362163	Nguyễn Bỉnh Hiếu	3621		11	9	13	51	145	220	365	
121	360248	Phạm Thị Huệ	3602		11	12	12	48	160	200	360	
122	361756	Vũ Thị Liệu	3617	7	16	8	13	40	210	150	360	
123	362036	Nguyễn Hải Loan	3620	8	17	10	6	42	190	165	355	
124	361569	Nguyễn Phương Linh	3615	7	11	15	11	38	210	140	350	
125	361755	Lê Thị Thanh Trà	3617	2	14	18	10	38	210	140	350	
126	360344	Lê Thanh Quý	3603	6	13	7	11	44	170	175	345	
127	361049	Phạm Thị Quỳnh	3610	3	13	16	14	35	220	120	340	
128	361446	Phan Trung Hiếu	3614	7	18	9	12	35	220	120	340	
129	361832	Nguyễn Phương Loan	3618	7	9	16	11	38	200	140	340	
130	361222	Hoàng Thị Lương	3612	8	10	16	17	28	255	80	335	
131	362065	Đỗ Thị Soạn	3620	3	14	8	6	48	135	200	335	
132	362170	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	3621	6	10	12	17	35	215	120	335	
133	361344	Ngô Trung Kiên	3613	6	14	7	13	39	185	145	330	
134	360435	Bùi Thị Nga	3604	8	17	9	10	34	210	115	325	
135	361038	Nguyễn Đặng Thanh Thuỷ	3610	6	11	13	5	42	160	165	325	
136	362254	Nguyễn Đức Thắng	3622	3	6	7	9	51	100	220	320	
137	360226	Vũ Thị Duyên	3602	7	16	5	14	35	195	120	315	
138	361549	Dương Nguyễn Mạnh Linh	3615	4	10	8	9	45	135	180	315	
139	360449	Lê Thị Oanh	3604	3	13	15	12	33	200	110	310	
140	360470	Đèo Thị Hồng ánh	3604		10	13	13	39	165	145	310	
141	361938	Nguyễn Thị Thu Hà	3619	4	11	11	11	38	170	140	310	
142	360947	Đàm Xuân Huệ	3609	6	12	13	10	33	190	110	300	
143	362122	Dương Thị Thuỷ	3621	6	14	11	12	30	200	90	290	
144	361654	Đặng Thị Phương Khanh	3616	4	16	9	8	33	170	110	280	

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐH LUẬT HÀ NỘI

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II **NĂM HỌC :** 2014 - 2015

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi : **18/04/2015**

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)	(100)				
145	362241	Phùng Văn Tiến	3622	6	9	8	14	33	170	110	280	
146	360623	Nguyễn Thị Thắng	3606	10	10	8	12	30	185	90	275	
147	361363	Nguyễn Văn Huấn	3613	8	15	11	6	30	185	90	275	
148	361629	Nguyễn Thị Huệ	3616	7	8	12	12	30	180	90	270	
149	360532	Nguyễn Thị Giang	3605	5	14	8	11	30	175	90	265	
150	360738	Trần Thị Lệ	3607	3	12	12	10	31	170	95	265	
151	361008	Nguyễn Anh Đức	3610	3	13	10	14	28	185	80	265	
152	362346	Nguyễn Minh Phương	3623	5	16	9	11	27	190	70	260	
153	362128	Đỗ Việt Anh	3621	7	14	12	11	23	210	45	255	
154	360527	Lê Thị Hà	3605	1	18	13	11	24	200	50	250	
155	360453	Tạ Thu Hà	3604	1	13	7	9	33	130	110	240	
156	361524	Võ Thị Hương Quỳnh	3615	6	11	11	10	26	175	65	240	
157	361754	Lại Thị Huê	3617	5	13	14	11	22	200	40	240	
158	361624	Phạm Hồng Vân	3616	6	13	13	10	22	195	40	235	
159	360934	Nguyễn Ngọc ánh	3609	2	11	6	12	31	135	95	230	
160	361936	Nguyễn Thị Hường	3619	4	10	11	9	25	150	60	210	
161	361847	Nguyễn Thị Thanh	3618	3	9	12	4	28	120	80	200	
162	360619	Ninh Khánh Ly	3606									
163	361126	Ngô Thị Vân Anh	3611									
164	361132	Phạm Thị Hồng Duyên	3611									
165	361245	Nguyễn Thị Hương	3612									
166	361469	Trịnh Hải Việt	3614									
167	361553	Nguyễn Ngọc ánh	3615									
168	361667	Phạm Thu Trang	3616									
169	380426	Nguyễn Thị Thanh Nga	3804	3	14	10	9	37	165	130	295	
170	390361	Nguyễn Thị Phương Thảo	3903	9	26	26	25	96	475	490	965	10.0
171	391850	Nguyễn Thuỳ Dung	3918	10	26	21	25	91	450	455	905	10.0
172	392357	Phạm Thị Thu Hiền	3923	8	28	23	23	88	450	435	885	10.0
173	391863	Nguyễn Hữu Quang Anh	3918	10	25	23	22	87	440	430	870	10.0
174	392361	Trần Nhật Hạ	3923	10	25	24	22	79	445	390	835	10.0
175	392661	Nguyễn Huy Khánh	3926	9	28	24	20	79	445	390	835	10.0
176	390156	Đặng Diệu Linh	3901	7	18	21	26	87	390	430	820	10.0
177	392257	Vũ Thu Trang	3922	6	21	21	24	87	390	430	820	10.0
178	392163	Hoàng Linh Phương	3921	7	25	28	20	76	440	370	810	10.0
179	392351	Phan Linh Chi	3923	10	21	25	20	81	410	400	810	10.0
180	392653	Võ Phương Đông	3926	9	25	21	20	81	405	400	805	10.0
181	390561	Trần Phương Thảo	3905	10	25	22	18	73	405	355	760	10.0
182	392572	Hoàng Bảo Ngọc	3925	8	27	23	23	60	445	270	715	10.0
183	392157	Phạm Minh Thúy	3921		20	25	22	72	360	350	710	10.0
184	390566	Trần Trung Kiên	3905	7	23	23	20	66	395	310	705	10.0
185	392535	Đặng Thị Huyền My	3925	10	24	20	22	63	410	290	700	10.0
186	392422	Nguyễn Thị Minh Tâm	3924	10	23	21	14	69	365	330	695	10.0
187	392265	Đỗ Trà My	3922	9	17	21	17	68	340	325	665	10.0
188	392472	Phạm Thị Vân Anh	3924	7	20	19	13	60	310	270	580	10.0
189	392446	Lê Thị Ngọc Hà	3924	6	15	27	19	49	360	210	570	9.5
190	391358	Hà Thu Thảo	3913	9	20	13	12	53	275	230	505	9.0
191	390567	Nguyễn Tạ Bình Dương	3905	7	12	18	16	51	270	220	490	8.5
192	390738	Nguyễn Thị Huyền Trang	3907	7	13	9	13	59	195	265	460	8.0

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐH LUẬT HÀ NỘI

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II **NĂM HỌC :** 2014 - 2015

MÔN THI : ***Thi phân loại tiếng Anh TOEIC***

Ca thi : **18/04/2015**

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)	(100)				
193	392621	Đinh Bích Thảo	3926	9	13	13	15	46	250	190	440	
194	390826	Đào Thị Bích Phượng	3908	5	15	15	13	47	240	195	435	
195	392263	Vũ Thúy Mai	3922	8	13	11	14	45	220	180	400	
196	392536	Trịnh Thu Hiền	3925	6	17	10	9	47	195	195	390	
197	392471	Nguyễn Chí Trung	3924	5	18	15	12	36	250	125	375	
198	391307	Lò Minh Dũng	3913	5	18	11	12	35	220	120	340	
199	392528	Ngô Thị Xuân	3925	4	13	12	10	35	180	120	300	
200	390108	Hoàng Thị Bính	3901		11	10	7	33	120	110	230	
201	391221	Trương Thị Kim Oanh	3912									
202	391513	Đỗ Thị Hồng Hạnh	3915									
203	391553	Nguyễn Vũ Vân Anh	3915									
204	391755	Lê Xuân Trung	3917									
205	392209	Hoàng Thị Mai	3922									
206	392428	Bùi Thị Minh Phương	3924									
207	392435	Trịnh Thị Bông	3924									
208	392444	Nguyễn Thị Hải	3924									

Hà Nội, Ngày tháng năm 2015

TRUNG TÂM TIN HỌC **PHÒNG ĐÀO TẠO** **THANH TRA ĐÀO TẠO** **TRUNG TÂM ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**

BAN GIÁM HIỆU